

Số: 106/QĐ-TCHL

Tp Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Biểu cước tác nghiệp container hàng khô tại các khu vực bãi thuộc Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp lực (TCHL)

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG HIỆP LỰC

Căn cứ Luật Giá năm 2023 số 16/2023/QH15;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 17/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 12/2024/TT-BGTVT ngày 15/05/2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định cơ chế, chính sách quản lý giá dịch vụ cảng biển tại Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-BGTVT ngày 01/07/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành khung giá dịch vụ bốc dỡ container tại cảng biển Việt Nam;

Căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Tân cảng Hiệp lực;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Tân cảng Hiệp lực:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu cước tác nghiệp container hàng khô áp dụng tại các khu vực bãi do Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp lực quản lý và khai thác.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

2.1. Áp dụng đối với container được bốc dỡ, giao nhận và lưu giữ tại các khu vực bãi thuộc quyền quản lý và khai thác của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp lực.

2.2. Áp dụng đối với các hãng tàu, chủ hàng, chủ phương tiện và các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế trong nước có hàng hóa xuất nhập khẩu thông qua hệ thống bãi của Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp lực.

Điều 3. Mức giá ban hành kèm theo Quyết định này chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (VAT).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/04/2026 và được áp dụng cho đến khi có văn bản thay thế. Các quy định và chính sách giá đã ban hành trước đây có nội dung trùng hoặc không phù hợp với Quyết định này đều hết hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- Hãng tàu, khách hàng
- Ban giám đốc;
- KVTC;
- P.KHKD, P.MKT-TCT;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TÂN CẢNG
HIỆP LỰC
P.CAT LAI - TP.HỒ CHÍ MINH
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Thắng



BIỂU CƯỚC TÁC NGHIỆP CONTAINER TẠI BÃI
(Ban hành kèm theo quyết định số 106/QĐ-TCHL ngày 15/03/2026)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng:

Container được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản tại khu đất do Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp lực quản lý và khai thác.

Đơn vị chịu trách nhiệm thanh toán: Các Hãng tàu, Khách hàng thuộc thành phần kinh tế trong nước có hàng hóa xếp dỡ tại khu đất của Công ty cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực.

2. Nguyên tắc tính giá:

- Thực hiện dịch vụ nào thì tính giá dịch vụ đó.
- Các giá trong Biểu này chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng.
- Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (VND).
- Đơn vị tính: đồng/container.

3. Đơn vị tính cước:

- Container 20 feet
- Container 40 feet
- Container 45 feet

II. DỊCH VỤ ĐÓNG/RÚT CONTAINER TẠI BÃI:

2.1. Tác nghiệp container tại bãi:

Đơn vị tính: VND/container

TT	Phương án làm hàng	Container khô		
		20'	40'	45'
1	Đóng thủ công hàng thông thường từ xe vào container (<i>container rộng có sẵn tại bãi.</i>) đã bao gồm phí vận chuyển cont hàng vào cát lái	1.400.000	2.000.000	2.550.000
	Đóng/rút thủ công hàng nguy hiểm (IMDG) từ xe vào container hoặc ngược lại, (<i>container rộng có sẵn tại bãi</i>). Nhóm IMDG 09 và máy móc thiết bị có bình gas thuộc nhóm IMDG 02	2.515.000	3.475.000	4.350.000
3	Đóng/rút thủ công hàng máy móc thiết bị cũ, hàng không đồng nhất về kích thước từ xe vào container và ngược lại (<i>container rộng có sẵn tại bãi</i>)	2.515.000	3.475.000	4.350.000
4	Đóng/rút thủ công hàng sắt vụn, phế liệu để rời từ xe vào container hoặc ngược lại (<i>container rộng có sẵn tại Bãi</i>)	5.015.000	6.955.000	8.685.000
5	Đóng/rút thủ công hàng gỗ tròn, gỗ lóng, gỗ xẻ không đồng nhất về kích thước từ xe vào container và ngược lại (<i>container rộng có sẵn tại bãi</i>)	Đơn giá thỏa thuận		

0956
CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG
HIỆP LỰC
TP. HỒ CHÍ MINH

	Rút và đóng một phần khối lượng hàng trong container phục vụ kiểm hóa (có xác nhận của Điều độ bãi)			
6	Hơn 50%	1.325.000	1.855.000	2.295.000
	Từ 10% đến 50%	665.000	935.000	1.155.000
	Dưới 10%	275.000	385.000	465.000
	Rút mẫu với số lượng ít để kiểm hóa	Khách hàng tự thực hiện		
7	Đóng/rút sang container (rút từ container này đóng sang container khác, container rộng có sẵn tại bãi)	3.125.000	4.375.000	5.500.000
		- Rút hàng từ container hàng đóng sang container rộng		
		- Nâng cont hàng sau khi đóng lên xe khách hàng		
		- Nâng cont rộng sau khi rút lên xe khách hàng		
8	• Ngoài các công đoạn kể trên, nếu làm thêm công đoạn nào TCHL phụ thu công đoạn đó theo quy định			
9	Rút ruột thủ công phục vụ dán tem và đóng lại vào cont	2.030.000	2.825.000	3.610.000
10	Rút dưới 10% khối lượng hàng trong container để đảm bảo trọng lượng xuất tàu	355.000	505.000	620.000
		Cước đảo chuyên (nếu có) sẽ được thu bổ sung theo quy định tại mục 2.3		

2.2. Các trường hợp phụ thu đóng/rút/kiểm hóa hàng:

a. Đối với các kiện hàng đặc biệt (quá khổ, quá tải), đơn giá sẽ thỏa thuận với khách hàng nhưng không thấp hơn 300% đơn giá đóng/rút container hàng thông thường.

b. Phụ thu phí quá hạn trả bãi container (Áp dụng cho container khô đóng ruột, rút ruột, giao nguyên kiểm hóa, kể cả phương án dán tem) được tính như sau:

Đơn vị tính: VND/container/ngày

TT	Loại container	Đơn giá
1	20'	200.000
2	40'	350.000

c. Thời gian tính phí quá hạn trả bãi container, được tính từ ngày hết thời hạn cho phép lưu tại bãi đóng hàng/kiểm hóa/rút hàng cho đến khi container được giao hàng/đóng hàng xong. Thời gian cho phép lưu kể từ khi container có mặt tại khu vực rút ruột/kiểm hóa/đóng hàng được quy định như sau (không kể ngày lễ, tết theo quy định):

TT	Lô hàng	Thời gian cho phép tại bãi rút ruột/kiểm hóa/đóng hàng
1	Lô từ 01 – 05 container	01 ngày
2	Lô từ 06 – 10 container	02 ngày
3	Lô từ 11 – 20 container	03 ngày
4	Lô trên 20 container	04 ngày

d. Trường hợp đóng/rút hàng từ xe vào container hoặc ngược lại đối với tất cả các loại hàng có sử dụng xe nâng hàng loại dưới 05 tấn, TCHL thu cước bổ sung như sau:

Đơn vị tính: VNĐ/container

20'	40'	45'
95.000	140.000	195.000

e. Trường hợp đóng/rút các loại hàng có kích thước vượt quá quy định của container tiêu chuẩn, phải sử dụng xe nâng hàng loại từ 05 tấn đến 20 tấn, cước đóng/rút do TCHL thỏa thuận với khách hàng nhưng không thấp hơn 300% so với đơn giá đóng/rút hàng thông thường.

f. Trường hợp chủ hàng tự đóng hàng, TCHL giảm cước với mức như sau:

Đơn vị tính: VNĐ/container

20'	40'	45'
170.000	230.000	295.000

g. Trường hợp chủ hàng tự rút hàng, TCHL giảm cước với mức như sau:

Đơn vị tính: VNĐ/container

20'	40'	45'
285.000	400.000	505.000

2.3. Các loại cước khác:

Đơn vị tính: VNĐ/container

TT	Phương án làm hàng	20'	40'	45'
1	Đảo chuyển để lấy container rỗng theo yêu cầu của khách hàng,	Tính theo số lượng container thực tế được đảo chuyển, dời dịch trong bãi để lấy container của khách hàng (có xác nhận của Điều độ bãi)		
	Đảo chuyển không sử dụng xe đầu kéo của TCHL:	125.000	180.000	230.000
	Đảo chuyển có sử dụng xe đầu kéo của TCHL	320.000	450.000	570.000
2	Vệ sinh bãi sau khi rút ruột các loại hàng gây bẩn hoặc ô nhiễm môi trường bãi như sắt phế liệu, máy móc thiết bị cũ...	145.000	215.000	275.000
3	Phụ thu tem IMO/Container	150.000/cont		
4	Phí tháo và xử lý nhãn mác nguy hiểm	15.000/tem		
5	Trải bãi phục vụ đóng hàng nhưng không đóng hàng theo lệnh đã đăng ký (rỗng có sẵn tại bãi)	415.000	610.000	780.000
	Đơn giá trên chỉ áp dụng container rỗng có sẵn tại bãi TCHL. Trường hợp cont rỗng TCHL vận chuyển từ các Depot khác hoặc Cát Lái, Khách hàng			



	<i>thanh toán phí vận chuyển 2 chiều và phí trải bãi nhưng không đóng hàng nêu trên.</i>			
6	Nâng/hạ container hàng tại bãi	950.000	1.500.000	1.750.000
7	Ráp thanh treo vào container	450.000	670.000	-

III. PHÍ VẬN CHUYỂN CONTAINER

Đơn vị tính: VNĐ/container

T	Tuyến vận chuyển	Container hàng			Container rỗng		
		20'H	40'H	45'H	20'R	40'R	45'R
1	TCHL <-> Cát Lái	900.000	1.150.000	1.500.000	340.000	555.000	570.000
2	Cont rỗng lấy tại Depot TCMT, MTY, GNL, MTY2, SNK, SNV				480.000	580.000	660.000
3	Cont rỗng tại TC shipping				725,000	1,050,000	1,135,000
3	Các Depot trong khu CN Cát lái đường A, B, C, E <-> TCHL				310.000	515.000	600.000
4	Chuyển bãi nội bộ	370.000	550.000	650.000	270.000	390.000	480.000
5	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với container hàng nguy hiểm (IMDG), hàng quá khổ/quá tải, phí vận chuyển tính tăng +100% so với đơn giá hàng thông thường. - Đối với trường hợp lấy rỗng tại các Depot có phụ thu thêm phí nâng rỗng, TCHL sẽ phụ thu từ khách hàng theo từng biểu giá được ban hành của Depot đó. 						

Các loại dịch vụ khác chưa quy định trong biểu cước này nếu có phát sinh sẽ được áp dụng theo biểu giá dịch vụ tại Cảng Tân cảng Cát lái tại thời điểm thực hiện hoặc theo thỏa thuận giữa TCHL với khách hàng.

Biểu giá dịch vụ này áp dụng từ ngày **01/04/2026** cho đến khi có văn bản khác thay thế, các bảng giá trước đây trùng hoặc trái với bảng giá này đều bãi bỏ.

Công ty CP Tân cảng Hiệp lực xin thông báo đến Quý khách hàng được biết và mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ các dịch vụ của Công ty chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn và kính chào.

